

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 612 /QĐ-UBDT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 13.222 thôn đặc biệt khó khăn, bao gồm: 11.179 thôn của xã khu vực III; 736 thôn của xã khu vực II, 1.184 thôn của xã khu vực I và 123 thôn của các xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn 41 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*danh sách kèm theo*).

Điều 2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc đổi tên, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát, xác định theo tiêu chí và lập hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, thẩm định và quyết định điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 433/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, đơn vị của UBDT;
- Lưu: VT, CSDT.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Hầu A Lènh

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBKK
	Làng Vơng Chép	
	Làng Tung Ke	
	Làng Hvăk	
	Làng Amil	
3	Xã Ia Ko	II
	Làng Vel	
	Làng Sur A	
4	Xã Al Bă	I
	Làng Ia Doa	
5	Xã Ia Blang	I
	Làng Mung Hlú	
VI	Huyện Đak Đoa	
1	Xã Hà Đông	III
	Làng Kon Sơ Nglok	
	Làng Kon Maher	
	Làng Kon Pơ Dram	
	Làng Kon Nak	
	Làng Kon Jốt	
2	Xã Đak Somei	III
	Làng Bok Rei	
	Làng Tul Đoa	
	Làng Đê Gôh	
	Làng Pral Somei	
3	Xã A Dok	III
	Thôn Biă Tỉnh	
	Làng Broch	
4	Xã Trang	II
	Làng Kol	
	Làng Kò	
5	Xã Kon Gang	II
	Làng Dung Rơ	
	Làng Krái	
	Làng Klót	
6	Xã Ia Pét	II
	Thôn Ngơm Thung	
	Thôn Biabre	

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBKK
	Thôn Alphun	
	Thôn Alroh	
	Thôn Brong Goai	
7	Thị trấn Đak Đoa	I
	Thôn Ngol	
8	Xã Hnol	I
	Làng Hlang	
	Thôn Botgrek	
VII	Huyện Đak Pơ	
1	Xã Ya Hội	III
	Làng Brang Đak Kliét	
	Làng Groi	
	Làng Bung Tờ Sô	
2	Xã An Thành	II
	Làng Bút	
	Làng Kuk Kôn	
	Làng Kuk Đak	
3	Xã Yang Bắc	II
	Làng Kleo Ktu	
	Làng Kruối Chai	
	Làng Klăh Môn	
	Làng Jro Ktu Đak Yang	
	Làng Krông Hra	
4	Thị trấn Đak Pơ	I
	Làng Leng Tô	
	Làng Giek	
	Làng Hven	
VIII	Huyện Đức Cơ	
1	Xã Ia Lang	III
	Làng Le I	
	Làng Klüh Yēh	
	Làng Phang	
2	Xã Ia Kla	II
	Làng Sung Le Kắt	
	Làng Sung Le Tung	
	Làng Sung Kép	